

KẾ HOẠCH

Tăng cường năng lực thực hiện Chương trình: Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả năm 2022

Căn cứ Kế hoạch số 4603/KH-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Kon Tum Về việc thực hiện Chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả” vay vốn Ngân hàng thế giới tỉnh Kon Tum năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 1039/QĐ-SNN, ngày 30/12/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của Văn phòng Thường trực Ban Điều hành Chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả tại Tờ trình số 07/TTr-VPBDH ngày 29/3/2022 Về việc phê duyệt Kế hoạch tăng cường năng lực năm 2022 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin cơ bản về Chương trình:

1. Tên chương trình: Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả (*Results-Based Scaling up Rural Sanitation and Water Supply Program, viết tắt là RB- SupRSWS*).

2. Tên nhà tài trợ: Ngân hàng Thế giới.

3. Thời gian thực hiện chương trình:

- Bắt đầu: Ngày 10 tháng 6 năm 2016.

- Kết thúc: Ngày 31 tháng 7 năm 2023.

II. Điều kiện (hiện trạng) và các mục tiêu vệ sinh và cấp nước của tỉnh:

Kon Tum là tỉnh miền núi, nằm ở phía Bắc Tây Nguyên, có đường biên giới dài 280,7 km tiếp giáp với hai nước Lào và Cam Pu Chia. Diện tích tự nhiên khoảng 9.689,61 km². Toàn tỉnh hiện có 09 huyện và 01 thành phố với 102 xã, phường, thị trấn (*trong đó có 61 xã đặc biệt khó khăn*) và 859 thôn, tổ dân phố. Trong đó có 86 xã thuộc khu vực nông thôn. Tính đến ngày 31/12/2021, tổng số hộ dân trên địa bàn tỉnh là 94.283 hộ. Kinh tế nông lâm nghiệp là chính, thu nhập bình quân đầu người hàng năm thấp. Toàn tỉnh có 28 thành phần dân tộc (*các dân tộc Ba Na, Xê Đăng, Giẻ Triêng, Gia Rai, Brâu, Rơ Mâm chiếm 53,0%*).

Địa hình của tỉnh chia cắt mạnh, mật độ dân cư thấp ảnh hưởng đến suất đầu tư và công tác vận hành, bảo dưỡng công trình cấp nước tập trung. tổng số công trình cấp nước bị hư hỏng hoặc hoạt động kém hiệu quả hiện chiếm trên 45,5%, chủ yếu là do nhận thức của người dân về vấn đề ăn, ở hợp vệ sinh còn thấp, ý thức bảo vệ công trình chưa cao; đời sống của người dân còn nghèo, khả năng chi trả

phí sử dụng nước thấp, trong khi đó nguồn ngân sách hỗ trợ giá nước sạch tiêu thụ và sửa chữa gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng không nhỏ đến công tác vận hành, bảo dưỡng các công trình cấp nước tập trung nông thôn.

Mục tiêu về cấp nước: Theo Kế hoạch, trong giai đoạn 2016-2020 tỉnh Kon Tum thực hiện và hoàn thành 12.300 đầu nối cấp nước⁽¹⁾, với khoảng trên 50.000 người dân nông thôn được cấp nước sạch hợp vệ sinh, trong đó:

- Số đầu nối cấp nước trong Chương trình: 9.603 đầu nối
- + Công trình cải tạo, nâng cấp, mở rộng: 21 công trình, với 4.720 đầu nối
- + Công trình xây dựng mới: 10 công trình, với 4.883 đầu nối
- Số đầu nối cấp nước ngoài Chương trình: 2.697 đầu nối

1. Về hiện trạng vệ sinh và cấp nước:

1.1. Hiện trạng vệ sinh :

Đến hết năm 2021, trên địa bàn nông thôn tỉnh Kon Tum, tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu đạt 89,7 %, trong đó tỷ lệ số hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh đạt 72,1%; tỷ lệ Trạm y tế xã có nước và nhà tiêu hợp vệ sinh đạt 100,0%; tỷ lệ trường học có nước và nhà tiêu hợp vệ sinh đạt 100,0%.

1.2. Hiện trạng cấp nước:

Đến hết năm 2021, trên địa bàn nông thôn tỉnh Kon Tum có: 312 công trình cấp nước tập trung và nhiều giếng đào, giếng khoan và các loại hình cấp nước nhỏ lẻ khác, tỷ lệ số dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 91,1%, tỷ lệ số dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt đạt Quy chuẩn 02/BYT 37,7%,

2. Về mục tiêu:

2.1. Mục tiêu chung:

Nâng cao nhận thức, thay đổi thái độ, hành vi của người dân nông thôn nhằm cải thiện hành vi vệ sinh cá nhân, tăng cường tỷ lệ người dân được tiếp cận bền vững với nước sạch và vệ sinh nông thôn được cải thiện cho người dân trong tỉnh Kon Tum.

2.2. Mục tiêu cụ thể năm 2022:

a) *Mục tiêu về vệ sinh:* Số xã đạt vệ sinh toàn xã là 01 xã.

- Nâng cao nhận thức, thay đổi thái độ, hành vi của người dân nông thôn nhằm cải thiện hành vi vệ sinh cá nhân, tăng cường tỷ lệ người dân được tiếp cận bền vững với nước sạch và vệ sinh nông thôn được cải thiện cho người dân.

- Tăng tỷ lệ hộ gia đình nông thôn có nhà tiêu hợp vệ sinh.

b) *Mục tiêu về cấp nước:*

⁽¹⁾ Quyết định số 3606/QĐ-BNN-HTQT ngày 04/9/2015 và số 3102/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/7/2016 về phê duyệt Văn kiện Chương trình và Công văn số 4682/BNN-TCTL ngày 3/7/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục công trình cấp nước nông thôn thuộc Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả vay vốn WB của tỉnh Kon Tum.

Trong năm 2022, các đơn vị tham gia thực hiện Tiêu Hợp phần I - Hợp phần I về cấp nước nông thôn thực hiện đầu tư xây dựng 01 công trình cấp nước tập trung nông thôn và tiến hành kiểm đếm bền vững 14 công trình cấp nước tập trung.

3. Những khó khăn và giải pháp giải quyết:

Kon Tum là tỉnh miền núi điều kiện kinh tế, xã hội còn nhiều khó khăn, dân tộc thiểu số chiếm 53,3%, trình độ dân trí còn thấp, tập quán còn lạc hậu; người dân còn mang tính trông chờ, ỷ lại vào sự trợ giúp của nhà nước; Chưa có cơ chế, chính sách phù hợp cho việc thu hút, kêu gọi đầu tư của các nguồn lực trong xã hội cho Chương trình nước sạch.

Địa hình Kon Tum bị chia cắt mạnh, dân cư phân bố không tập trung; công trình cấp nước chủ yếu là công trình tự chảy phục vụ ở phạm vi hẹp; đầu nguồn lấy nước tự chảy thường ở các khe suối nhỏ, xa khu dân cư, việc quản lý bảo vệ gặp nhiều khó khăn; số lượng công trình cấp nước hoạt động kém hiệu quả còn cao; chất lượng nước chưa ổn định; nhiều công trình mới đưa vào phục vụ trong thời gian ngắn đã hỏng hoặc xuống cấp; công tác quản lý, vận hành còn nhiều bất cập, người dân nông thôn chưa sẵn sàng đóng góp tiền sử dụng nước;

3.1. Khó khăn về vệ sinh:

- Kiến thức về vệ sinh của người dân còn rất hạn chế; Thói quen vệ sinh của một bộ phận người dân tộc thiểu số chưa có thói quen sử dụng nhà tiêu, đây là thói quen có từ lâu đời để cải tạo thói quen này ngoài sự nỗ lực của toàn xã hội thì cần có thời gian để thay đổi nhận thức và hành vi; ngoài ra giao thông đi lại khó khăn, bất đồng ngôn ngữ, mặt bằng học vấn thấp của người dân tộc thiểu số cũng là cản trở chính cho việc tiếp cận, chuyển tải các thông tin về vệ sinh để phòng chống dịch bệnh, bảo vệ môi trường đến người dân.

- Sự quan tâm vào cuộc của các cấp chính quyền: Chính quyền cấp huyện, xã nhiều nơi còn quan tâm đến phát triển kinh tế, chưa quan tâm đến cải thiện vệ sinh, bảo vệ môi trường vì vậy chưa coi việc cải thiện vệ sinh hộ gia đình là nhiệm vụ ưu tiên, chưa có các biện pháp quyết liệt, phù hợp để tăng tỷ lệ người được sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh. Sự tham gia, phối hợp của các ban, ngành trong việc vận động, hướng dẫn người dân chưa tốt ở nhiều nơi, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Kinh tế của người dân còn nghèo nhất là vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; việc cân đối bố trí vốn từ nguồn ngân sách tỉnh để triển khai thực hiện đáp ứng được các mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình là rất khó khăn, dẫn đến mục tiêu chính không đạt kế hoạch đề ra. Trong khi đó nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương cho chương trình còn hạn chế chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế với những khó khăn đặc thù của tỉnh miền núi, suất đầu tư cao.

- Kỹ năng truyền thông vận động về vệ sinh của cán bộ y tế và các ban ngành, đoàn thể còn yếu, nhất là tại các xã vùng cao vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

3.2. Khó khăn về cấp nước:

- Địa hình của tỉnh Kon Tum chia cắt mạnh; dân cư sinh sống không tập trung; trình độ dân trí một số địa phương còn thấp; phong tục, tập quán lạc hậu mang tính đặc thù của miền núi.

- Đa số các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn đều nằm ở xa khu dân cư; đầu nguồn lấy nước thường ở các khe suối nhỏ; đường ống bố trí ven đồi qua nhiều hợp thủy nên việc quản lý, vận hành gặp rất nhiều khó khăn (thau rửa bể lọc cũng như việc quản lý đường ống...).

- Về quản lý, vận hành công trình cấp nước tập trung: Một số địa phương chưa kịp thời triển khai, hướng dẫn và có sự hỗ trợ về cán bộ có chuyên môn; chưa hỗ trợ kinh phí để thực hiện công tác quản lý, vận hành và bảo dưỡng các công trình cấp nước, trong khi đó hầu hết các công trình cấp nước tập trung đầu tư xây dựng xong chủ yếu giao cho UBND các xã quản lý, UBND xã lại giao về cho các thôn quản lý nhưng đa số các xã chưa lập đơn vị quản lý, khai thác công trình, công tác thu tiền sử dụng nước sinh hoạt còn gặp nhiều khó khăn do đời sống người dân nông thôn còn nghèo và một bộ phận người dân chưa nhận thức đầy đủ về quyền và nghĩa vụ khi sử dụng nước nên từ đó khó phát huy tính bền vững, hiệu quả của các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung.

- Chưa gắn kết được đơn vị lựa chọn quản lý sau đầu tư tham gia từ khâu khảo sát, thiết kế, thi công, tập huấn vận hành sử dụng và quản lý khai thác.

- Do ảnh hưởng của thời tiết cực đoan nên một số công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn đã bị cạn kiệt nguồn nước đầu nguồn, không còn đáp ứng theo khả năng của công trình; đòi hỏi trong xây dựng, đầu tư cần phải khảo sát kỹ về nguồn nước.

3.3. Cách giải quyết:

- Chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch dựa trên kết quả” hiện đã được phê duyệt tại 21 tỉnh là chương trình hỗ trợ có tính đột phá với những phương pháp tiếp cận và thực hiện mới, tổng hợp về các mặt thuộc lĩnh vực nước sạch và vệ sinh;

- Tăng cường tiếp cận bền vững với nước sạch và tăng độ bao phủ nước hợp vệ sinh ở khu vực nông thôn miền núi và dân tộc thiểu số thông qua việc thay đổi sâu sắc về nhận thức và tiếp cận của các cấp, các ngành đặc biệt là cộng đồng trong các khâu đầu tư và quản lý;

- Truyền thông thay đổi hành vi (BCC) vệ sinh đồng thời hỗ trợ phát triển thị trường vệ sinh nhằm cải thiện thói quen rửa tay với xà phòng, chấm dứt phóng uế bừa bãi và tăng cường sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh;

- Hoàn thiện chính sách và thể chế, tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ tham gia chương trình ở các địa phương từ tỉnh xuống đến thôn bản; Xây dựng và áp dụng các sáng kiến/mô hình mới, phù hợp và bền vững với điều kiện vùng miền; đặc biệt tại khu vực nông thôn miền núi, thúc đẩy vệ sinh môi trường và vệ sinh cá nhân của người dân tộc thiểu số; kinh phí từ Chương trình sẽ giúp các tỉnh triển khai được tốt công tác truyền thông vận động cộng đồng về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường;

- Xây dựng và triển khai chương trình vận động chính sách ở các cấp chính quyền và những người có tầm ảnh hưởng trong cộng đồng; tăng cường nhận thức của các cấp chính trị về tầm quan trọng của vệ sinh nông thôn, đưa mục tiêu xóa bỏ

phóng uế bừa bãi vào các tiêu chí phát triển kinh tế - xã hội và tăng cường tài trợ cho lĩnh vực này.

III. Kế hoạch tăng cường năng lực:

Chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả” tập trung nhiều vào tăng cường sự bền vững của hạ tầng cơ sở bằng cách tăng cường nỗ lực vận hành và bảo dưỡng các công trình cấp nước tập trung. Ngoài ra, Chương trình còn được thực hiện với những cách tiếp cận mới, tăng cường cộng tác giữa đầu tư vệ sinh và xúc tiến vệ sinh để đạt được diện vệ sinh toàn xã. Để đạt được hiệu quả, những lĩnh vực trọng tâm mới, tỉnh cần được hỗ trợ để nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ các cấp thực hiện Chương trình.

1. Mục đích:

- Nâng cao khả năng quản lý chương trình vệ sinh và nước sạch dựa trên kết quả cho các cán bộ của các bên liên quan (*Năng lực lập kế hoạch và ngân sách; năng lực quản lý tài chính; năng lực đấu thầu; năng lực đánh giá xã hội và phát triển cộng đồng; năng lực quản lý môi trường; năng lực giám sát, theo dõi và báo cáo; năng lực đảm bảo trách nhiệm giải trình*);

- Nâng cao khả năng quản lý, đảm bảo bền vững các công trình cấp nước nông thôn (*bao gồm cả vận hành và bảo dưỡng*) cho cán bộ các cấp, đặc biệt những người chịu trách nhiệm chính về quản lý công trình;

- Nâng cao khả năng thực hiện có hiệu quả các hoạt động truyền thông về vệ sinh và cấp nước trong cộng đồng và trong trường học cho cán bộ truyền thông để tăng tỷ lệ đầu nối và chấp nhận đóng phí sử dụng nước tại cộng đồng;

- Tăng cường khả năng áp dụng và thực hiện phương pháp tiếp cận mới trong tiếp thị vệ sinh cho cán bộ y tế các cấp; giáo viên các trường học nhằm mục đích tăng cường tính hiệu quả của các hoạt động truyền thông thay đổi hành vi và đảm bảo tính bền vững của các dịch vụ vệ sinh.

2. Hoạt động tăng cường năng lực:

2.1. Ngành Nông nghiệp (Quản lý Chương trình SupRSWS):

a) Nội dung hoạt động:

- Họp/Hội nghị Ban điều hành Chương trình (*các đơn vị tham gia thực hiện Chương trình*); triển khai nhiệm vụ, xây dựng và phân bổ kế hoạch, tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình năm 2021 và nhiệm vụ năm 2022.

- Hội thảo tập huấn Sở tay hướng dẫn thực hiện Chương trình (POM), lồng ghép giới và dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông.

- Hội thảo tập huấn Sở tay hướng dẫn thực hiện Chương trình POM; công tác lồng ghép Giới và DTTS huyện Đăk Hà.

- Hội thảo tập huấn Sở tay hướng dẫn thực hiện Chương trình POM; công tác lồng ghép Giới và DTTS huyện Đăk Tô.

- Hội thảo Tập huấn Sở tay hướng dẫn Sở tay hướng dẫn công tác QLVH và công tác Thông tin - Giáo dục - Truyền thông các công trình CNTT huyện Tu Mơ Rông.

- Hội thảo Tập huấn Sở tay hướng dẫn Sở tay hướng dẫn công tác QLVH và công tác Thông tin - Giáo dục - Truyền thông các công trình CNTT huyện Sa Thầy.

- Tổ chức hưởng ứng Tuần lễ quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường năm 2022.

- Đưa tin, bài phóng sự liên quan đến cấp nước trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Triển khai công tác Theo dõi - Giám sát - Đánh giá việc triển khai thực hiện Chương trình và hoạt động của Ban điều hành.

b) Kinh phí thực hiện:

- Dự toán kinh phí : 225.124.000.000 đồng (*bằng chữ: Hai trăm hai mươi năm triệu một trăm hai mươi bốn ngàn đồng*).

- Nguồn kinh phí: Nguồn sự nghiệp đối ứng của tỉnh thực hiện Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả năm 2022 là 200.000.000 đồng và vốn sự nghiệp nông nghiệp tỉnh là 25.124.000 đồng.

2.2. Ngành Y tế:

a) Nội dung hoạt động:

*** Cấp tỉnh:**

- Tổ chức hội nghị triển khai Chương trình năm 2022.

- Tập huấn về truyền thông thay đổi hành vi và phát triển thị trường vệ sinh cho cán bộ tỉnh, huyện.

- Hoạt động truyền thông:

+ Phát trên phương tiện thông tin đại chúng: Đài, báo, truyền hình địa phương; đăng bài, tin hoạt động trên trang thông tin điện tử Sở Y tế, đơn vị.

+ Tổ chức Lễ phát động hưởng ứng VSTX bền vững cho các xã đã đạt VSTX năm 2020 chuẩn bị kiểm đếm bền vững vào năm 2022.

+ In ấn, phân phối tài liệu truyền thông, cấp áp phích, tranh lật, tờ rơi tuyên truyền cho tuyến cơ sở.

- Duy trì cửa hàng tiện ích² đã được thành lập để phát triển thị trường vệ sinh tại 25 xã triển khai Chương trình.

² Cửa hàng tiện ích: Là một mô hình cửa hàng bán lẻ mà tại đó các khách hàng có thể mua tất cả các vật liệu và trang thiết bị cần thiết để xây một nhà tiêu cải thiện hoàn chỉnh. Các cửa hàng này có thể cung cấp các dịch vụ khác nhau như dịch vụ xây dựng, vận chuyển, tư vấn cho hộ gia đình về loại nhà tiêu phù hợp, cách sử dụng và bảo quản nhà tiêu, hỗ trợ tài chính hoặc bảo hành sản phẩm để người dân chọn được loại hình phù hợp với nhu cầu và khả năng tài chính của gia đình mình với mức giá chuẩn và chất lượng tốt. Người dân có thể sử dụng một phần hoặc toàn bộ dịch vụ của các Cửa hàng tiện ích tùy theo nhu cầu của gia đình mình.

- Triển khai các hoạt động thăm hộ gia đình, truyền thông nhóm tại thôn.
- Công tác giám sát, hỗ trợ các hoạt động cho tuyến huyện, xã:
- + Nội dung: Giám sát hỗ trợ công tác lập kế hoạch, triển khai hoạt động và thống kê, báo cáo.
- Hoạt động kiểm đếm: Thu thập hồ sơ kiểm đếm hoạt động truyền thông tuyến tỉnh, huyện, xã; chuẩn bị các nội dung để kiểm đếm hiện trường theo quy định của Chương trình.

*** Cấp huyện:**

- Tổ chức tập huấn về truyền thông thay đổi hành vi và phát triển thị trường vệ sinh cho cán bộ xã, tuyên truyền viên và cho các nhân tố tư nhân (Thợ xây/cửa hàng tiện ích).
- Tổ chức hoạt động hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hỗ trợ hoạt động chuyên môn cho tuyến dưới.

*** Cấp xã/thôn:**

- Tổ chức Hội nghị triển khai Chương trình cấp xã: 01 hội nghị/01 xã đăng ký kiểm đếm VSTX bền vững.
- Hoạt động truyền thông cấp xã: Phát tin trên loa đài; vẽ tranh tường hoặc áp phích; sự kiện vệ sinh cấp xã.
- Kiểm tra, giám sát hỗ trợ hoạt động tại các thôn.

b) Kinh phí thực hiện:

- Dự toán kinh phí: 732.000.000 đồng (*bằng chữ: Bảy trăm ba mươi hai ngàn đồng*).
- Nguồn kinh phí: Nguồn chi Sự nghiệp y tế đối ứng thực hiện Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả năm 2022.

2.3. Ngành Giáo dục:

a) Nội dung hoạt động:

- Tập huấn BBC hướng dẫn về truyền thông thay đổi hành vi vệ sinh tại trường học; hướng dẫn cuốn sổ tay (POM), Hướng dẫn thực hiện lồng ghép các vấn đề về Giới, DTTS trong các hoạt động thuộc Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả (trong đó chú ý đến đối tượng học sinh nữ trong thời kỳ đèn đỏ) thuộc Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả.
- In ấn và cấp phát tài liệu truyền thông.
- Hoạt động theo dõi, giám sát và đánh giá.

b) Kinh phí thực hiện:

Tổng kinh phí là 100.000.000 đồng (*Sử dụng Nguồn sự nghiệp đối ứng của tỉnh thực hiện Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả năm 2022*).

2.4. Kinh phí thực hiện:

Tổng kinh phí là 1.057.124.000 đồng, trong đó: Vốn sử dụng nguồn vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh đối ứng thực hiện Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả năm 2022 là 1.032.000.000 đồng và vốn sự nghiệp nông nghiệp tỉnh là 25.124.000 đồng.

(Chi tiết tại Bảng số 1 và số 2 kèm theo)

IV. Tổ chức thực hiện:

Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn và các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện Chương trình tổ chức triển khai thực hiện theo Kế hoạch này và Văn kiện, Sổ tay hướng dẫn thực hiện Chương trình; các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan và có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn (*Văn phòng Thường trực Ban Điều hành Chương trình*) kiểm tra, giám sát và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Ban điều phối Chương trình cấp nước nông thôn - Tổng cục Thủy lợi;
- Trung tâm Quốc gia Nước sạch và VSMTNT;
- Sở Y tế; Sở Giáo dục và Đào tạo (t/h);
- Trung tâm NS và VSMTNT (t/h);
- Trung tâm kiểm soát bệnh tật (t/h);
- Trang thông tin điện tử của Sở NN và PTNT (Đăng tải);
- Lưu: VT, VP_(Thành), QLXDCT_(Tuần).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Văn Tất Cường

Bảng số 1: Kế hoạch tăng cường năng lực năm 2022

Stt	Chủ đề hoặc Hoạt động	Kết quả dự kiến và tác động đến việc đạt được kết quả Chương trình	Nhóm mục tiêu (người hưởng lợi)	Phương thức thực hiện	Cơ quan chịu trách nhiệm	Thời gian	Bằng chứng
I	Kế hoạch tăng cường năng lực của ngành Nông nghiệp						
1	Họp/Hội nghị ban điều hành Chương trình (các đơn vị tham gia t/ h Chương trình); triển khai nhiệm vụ, xây dựng và phân bổ kế hoạch, tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình năm 2021 nhiệm vụ năm 2022	Làm rõ mục tiêu, chỉ tiêu đạt được trong năm, phân công nhiệm vụ	Cán bộ các sở, ban, ngành cấp tỉnh, huyện có liên quan	Hội nghị 01 ngày	Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	Quý III, IV/2022	- Giấy mời - Chương trình Hội nghị - Danh sách tham dự - Báo cáo được chuẩn bị bởi đơn vị tổ chức
2	Hội thảo tập huấn Sổ tay hướng dẫn thực hiện Chương trình (POM), lồng ghép giới và dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông	Làm rõ về POM và các vấn đề về Giới và dân tộc thiểu số	Cán bộ cấp huyện, xã, thôn có liên quan	Cấp huyện: 01 lớp (02 ngày/lớp);	Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	Quý II, III/2022	- Giấy mời - Chương trình Hội nghị tập huấn. - Danh sách tham dự - Báo cáo được chuẩn bị bởi đơn vị tổ chức
3	Hội thảo tập huấn Sổ tay hướng dẫn thực hiện Chương trình POM; công tác lồng ghép Giới và DTTS huyện Đăk Hà	Làm rõ về POM và các vấn đề về Giới và dân tộc thiểu số	Cán bộ cấp huyện, xã, thôn có liên quan	Cấp huyện: 01 lớp (02 ngày/lớp);	Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	Quý II, III/2022	- Giấy mời - Chương trình Hội nghị tập huấn. - Danh sách tham dự - Báo cáo được chuẩn bị bởi đơn vị tổ chức
4	Hội thảo tập huấn Sổ tay hướng dẫn thực hiện Chương trình POM; công tác lồng ghép Giới và DTTS huyện Đăk Tô	Làm rõ về POM và các vấn đề về Giới và dân tộc thiểu số	Cán bộ cấp huyện, xã, thôn có liên quan	Cấp huyện: 01 lớp (02 ngày/lớp);	Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	Quý II, III/2022	- Giấy mời - Chương trình Hội nghị tập huấn. - Danh sách tham dự - Báo cáo được chuẩn bị bởi đơn vị tổ chức

Stt	Chủ đề hoặc Hoạt động	Kết quả dự kiến và tác động đến việc đạt được kết quả Chương trình	Nhóm mục tiêu (người hưởng lợi)	Phương thức thực hiện	Cơ quan chịu trách nhiệm	Thời gian	Bằng chứng
5	Hội thảo Tập huấn Sổ tay hướng dẫn Sổ tay hướng dẫn công tác QLVH và công tác Thông tin - Giáo dục - Truyền thông các công trình CNTT huyện Tu Mơ Rông	Làm rõ về Thông tin - Giáo dục - Truyền thông (IEC) về cấp nước	Cán bộ cấp huyện, xã, thôn có liên quan	Cấp huyện: 01 lớp (02 ngày/lớp);	Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	Quý II, III/2022	- Giấy mời - Chương trình Hội nghị tập huấn. - Danh sách tham dự - Báo cáo được chuẩn bị bởi đơn vị tổ chức
6	Hội thảo Tập huấn Sổ tay hướng dẫn Sổ tay hướng dẫn công tác QLVH và công tác Thông tin - Giáo dục - Truyền thông các công trình CNTT huyện Sa Thầy	Làm rõ về Thông tin - Giáo dục - Truyền thông (IEC) về cấp nước	Cán bộ cấp huyện, xã, thôn có liên quan	Cấp huyện: 01 lớp (02 ngày/lớp);	Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	Quý II, III/2022	- Giấy mời - Chương trình Hội nghị tập huấn. - Danh sách tham dự - Báo cáo được chuẩn bị bởi đơn vị tổ chức
7	Hưởng ứng Tuần lễ quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường năm 2022	Nâng cao nhận thức của các cấp và người dân về NS & VSMT	Các cấp chính quyền, đoàn thể và người dân	Các cơ quan, đơn vị tổ chức hưởng ứng.	Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	Quý II, III/2022	- Kế hoạch tổ chức và các văn bản liên quan. - Các chứng từ thanh quyết toán có liên quan.
8	Đăng tin, bài trên các phương tiện thông tin đại chúng cấp tỉnh liên quan đến hoạt động cấp nước và VSMTNT.	Nâng cao nhận thức của các cấp chính quyền, đoàn thể và người dân về tầm quan trọng của nước sạch và VSMT	Các cấp chính quyền, đoàn thể và người dân	Phối hợp với báo, đài viết bài, làm phóng sự.	Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	Quý II, III, IV/2022	- Các chứng từ thanh quyết toán có liên quan.
9	Công tác Theo Dõi - Giám Sát - Đánh giá và hoạt động của Ban điều hành	Việc triển khai thực hiện Chương trình đạt tiến độ và chất lượng đã đề ra.	Các cơ quan, đơn vị thực hiện Chương trình.	Tổ chức các đợt Theo Dõi - Giám Sát - Đánh giá	Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	Thường xuyên	- Các chứng từ thanh quyết toán có liên quan.
II	Kế hoạch tăng cường năng lực của ngành Y tế						

Stt	Chủ đề hoặc Hoạt động	Kết quả dự kiến và tác động đến việc đạt được kết quả Chương trình	Nhóm mục tiêu (người hưởng lợi)	Phương thức thực hiện	Cơ quan chịu trách nhiệm	Thời gian	Bằng chứng
II.1	Cấp tỉnh						
1	Tổ chức hội nghị triển khai Chương trình năm 2022	Làm rõ mục tiêu, chỉ tiêu đạt được trong năm, triển khai Chương trình, kế hoạch năm	Cán bộ các sở, ban, ngành cấp tỉnh, huyện có liên quan	Hội nghị (01 hội nghị/01 ngày)	Trung tâm KSBT tỉnh	Quý II, III, IV/2022	- Giấy mời - Chương trình Hội nghị - Danh sách tham dự - Báo cáo được chuẩn bị bởi đơn vị tổ chức
2	Tổ chức tập huấn TOT cấp tỉnh, huyện về BCC, phát triển thị trường vệ sinh	Hiểu về TOT, BCC, phát triển thị trường vệ sinh	Cán bộ các sở, ban, ngành cấp tỉnh, huyện có liên quan	Tập huấn (01 lớp/04 ngày)	Trung tâm KSBT tỉnh	Quý III, IV/2022	- Giấy mời - Chương trình Hội nghị - Danh sách tham dự - Báo cáo được chuẩn bị bởi đơn vị tổ chức
3	Phát trên phương tiện thông tin đại chúng: Đài, báo, truyền hình địa phương; đăng bài, tin hoạt động trên trang thông tin điện tử Sở Y tế	Nâng cao nhận thức của các cấp chính quyền, đoàn thể và người dân về tầm quan trọng của nước sạch và VSMT	Các cấp chính quyền, đoàn thể và người dân	Phối hợp với báo, đài tỉnh Kon Tum, viết bài, làm phóng sự (01 lần/năm)	Trung tâm KSBT tỉnh	Quý III, IV/2022	- Giấy mời - Chương trình Hội nghị - Danh sách tham dự - Báo cáo được chuẩn bị bởi đơn vị tổ chức
4	Tổ chức Lễ phát động hưởng ứng VSTX bền vững cho các xã đã đạt VSTX năm 2020 chuẩn bị kiểm đếm bền vững vào năm 2022	Các xã nắm vững kiến thức về các hoạt động tiếp thị vệ sinh	Người dân vùng dự án	Người dân vùng dự án	Trung tâm KSBT tỉnh	Quý II, III, IV/2022	- Các chứng từ thanh quyết toán có liên quan.

Stt	Chủ đề hoặc Hoạt động	Kết quả dự kiến và tác động đến việc đạt được kết quả Chương trình	Nhóm mục tiêu (người hưởng lợi)	Phương thức thực hiện	Cơ quan chịu trách nhiệm	Thời gian	Bằng chứng
5	In ấn, phân phối tài liệu truyền thông, cấp áp phích, tranh lật, tờ rơi tuyên truyền cho tuyến cơ sở	Tài liệu truyền thông và phát triển công nghệ mới đạt chất lượng	Người dân vùng dự án	Thiết kế, in ấn	Trung tâm KSBT tỉnh	Quý II, III, IV/2022	- Các chứng từ thanh quyết toán có liên quan
6	Duy trì cửa hàng tiện ích đã được thành lập để phát triển thị trường vệ sinh tại 25 xã triển khai Chương trình	Các xã nắm vững kiến thức về các hoạt động tiếp thị vệ sinh	Người dân vùng dự án	25 xã vùng dự án	Trung tâm KSBT tỉnh	Quý II, III, IV/2022	- Các chứng từ thanh quyết toán có liên quan
7	Triển khai các hoạt động thăm hộ gia đình, truyền thông nhóm tại thôn	Đánh giá kết quả và người dân Triển khai các hoạt động thăm hộ gia đình, truyền thông nhóm tại thôn	Người dân vùng dự án	Các xã vùng dự án	Trung tâm KSBT tỉnh	Quý II, III, IV/2022	- Các chứng từ thanh quyết toán có liên quan
8	Công tác giám sát, hỗ trợ các hoạt động cho tuyến huyện, xã	Đánh giá tiến độ và chất lượng triển khai thực hiện nhiệm vụ kế hoạch	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Trung tâm KSBT tỉnh	Quý II, III, IV/2022	- Các chứng từ thanh quyết toán có liên quan
9	Thu thập hồ sơ kiểm đếm hoạt động truyền thông tuyến tỉnh, huyện, xã; chuẩn bị các nội dung để kiểm đếm hiện trường theo quy định của Chương trình	Đảm bảo yêu cầu của hoạt động kiểm đếm	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Trung tâm KSBT tỉnh	Quý II, III, IV/2022	- Các chứng từ thanh quyết toán có liên quan
II.2	Cấp huyện						

Stt	Chủ đề hoặc Hoạt động	Kết quả dự kiến và tác động đến việc đạt được kết quả Chương trình	Nhóm mục tiêu (người hưởng lợi)	Phương thức thực hiện	Cơ quan chịu trách nhiệm	Thời gian	Bằng chứng
1	Tổ chức tập huấn về truyền thông thay đổi hành vi và phát triển thị trường vệ sinh cho cán bộ xã, tuyên truyền viên và cho các nhân tố tư nhân (Thợ xây/cửa hàng tiện ích).	Kiến thức và kỹ năng truyền thông thay đổi hành vi và phát triển thị trường vệ sinh	Cán bộ xã và CTV có liên quan	(01 lớp/xã)	Trung tâm Y tế huyện	Quý II, III, IV/2022	- Giấy mời - Chương trình Hội nghị - Danh sách tham dự - Báo cáo được chuẩn bị bởi đơn vị tổ chức
2	Tổ chức hoạt động hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hỗ trợ hoạt động chuyên môn tuyến dưới.	Đánh giá được tiến độ và chất lượng triển khai thực hiện nhiệm vụ kế hoạch	Các cơ quan, đơn vị có liên quan		Trung tâm Y tế huyện	Quý II, III, IV/2022	- Các chứng từ thanh quyết toán có liên
II.3	Cấp xã						
1	Tổ chức Hội nghị triển khai Chương trình cấp xã: 01 hội nghị/01 xã đăng ký kiểm đếm VSTX bền vững	Làm rõ mục tiêu, chỉ tiêu đạt được trong năm, triển khai Chương trình, kế hoạch năm	Cán bộ các xã có liên quan	(01 Hội nghị/xã)	Trung tâm Y tế xã	Quý II, III, IV/2022	- Giấy mời - Chương trình Hội nghị - Danh sách tham dự - Báo cáo được chuẩn bị bởi đơn vị tổ chức
2	Hoạt động truyền thông cấp xã: Phát tin trên loa đài; vẽ tranh tường hoặc áp phích; sự kiện vệ sinh cấp xã	Nâng cao nhận thức của các cấp lãnh đạo và người dân vùng dự án	Các ban, ngành, đoàn thể và người dân vùng dự án	Loa đài, họp thôn, thăm hộ gia đình	Trạm Y tế xã	Thường xuyên	- Các chứng từ thanh quyết toán có liên quan
3	Kiểm tra, giám sát hỗ trợ hoạt động tại các thôn	Đánh giá được tiến độ và chất lượng triển khai thực hiện nhiệm vụ kế hoạch	Các ban, ngành, đoàn thể và người dân vùng dự án	(03 người/xã)	Trạm Y tế xã	Thường xuyên	- Các chứng từ thanh quyết toán có liên quan

Stt	Chủ đề hoặc Hoạt động	Kết quả dự kiến và tác động đến việc đạt được kết quả Chương trình	Nhóm mục tiêu (người hưởng lợi)	Phương thức thực hiện	Cơ quan chịu trách nhiệm	Thời gian	Bằng chứng
III	Kế hoạch tăng cường năng lực của ngành Giáo dục						
1	Tập huấn BBC hướng dẫn về truyền thông thay đổi hành vi vệ sinh tại trường học; hướng dẫn cuốn sổ tay (POM), Hướng dẫn thực hiện lồng ghép các vấn đề về Giới, DTTS trong các hoạt động thuộc Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả (trong đó chú ý đến đối tượng học sinh nữ trong thời kỳ đèn đỏ) thuộc Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả	- Kiến thức và kỹ năng truyền thông - Đánh giá tiến độ và chất lượng thực hiện nhiệm vụ kế hoạch	Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, đơn vị có liên quan	(01 hội nghị/tỉnh)	Sở Giáo dục và Đào tạo	Quý II, III, IV/2022	- Các chứng từ thanh quyết toán có liên quan
2	In ấn và cấp phát tài liệu truyền thông	Tài liệu truyền thông và phát triển công nghệ mới đạt chất lượng	Người dân vùng dự án	Thiết kế, in ấn	Sở Giáo dục và Đào tạo	Quý II, III, IV/2022	- Các chứng từ thanh quyết toán có liên quan
3	Hoạt động theo dõi, giám sát và đánh giá	Đánh giá được tiến độ và chất lượng triển khai thực hiện nhiệm vụ kế hoạch	Các ban, ngành, đoàn thể và người dân vùng dự án		Sở Giáo dục và Đào tạo	Quý II, III, IV/2022	- Các chứng từ thanh quyết toán có liên quan

Bảng số 2: Phân bổ ngân sách và nguồn lực cho công tác tăng cường năng lực

TT	Hợp phần tăng cường năng lực	Ngân sách (VND)	Phân bổ nguồn vốn (x 1.000 VND)				
			TW	Tỉnh	Khác	Chương trình RB-SupRSWS	Tổng
1	Các hoạt động do ngành Nông nghiệp và PTNT tổ chức	225.124	0	225.124	0	0	225.124
2	Các hoạt động do ngành Y tế tổ chức	732.000	0	732.000	0	0	732.000
3	Các hoạt động do ngành Giáo dục và Đào tạo tổ chức	100.000	0	100.000	0	0	100.000
	Tổng cộng	1.057.124	0	1.057.124	0	0	1.057.124